

CÔNG TY
CỔ PHẦN
CẤP
NƯỚC BÀ
RỊA - VŨNG
TÀU

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU
DN: C=VN, S=HỒ CHI MINH, L=THÀNH
PHỐ VŨNG TÀU, CN=CÔNG TY CỔ
PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:
3500101386
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026-03-10 11:15:57
Foxit Reader Version: 9.0.0

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU



MỤC LỤC

| | Trang |
|---|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Hội đồng quản trị | 2 - 4 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 5 - 6 |
| 4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 | 7 - 10 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 | 11 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 | 12 - 13 |
| 7. Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 | 14 - 40 |



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu (được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Cấp nước Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Quyết định số 1855/QĐ.UB ngày 14 tháng 6 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) theo Quyết định số 1755/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2008 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4903000479, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 11 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 13 tháng 8 năm 2025 do Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 29 tháng 11 năm 2017, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết trên sàn Upcom với mã chứng khoán là BWS.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 14 đường 30/4, Phường Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84-254) 3 838 324
- Fax : (84-254) 3 833 636

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

| <u>Tên đơn vị</u> | <u>Địa chỉ</u> |
|---|--|
| Xí nghiệp Xây lắp | Số 359 Đường Nguyễn An Ninh, Phường Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh |
| Xí nghiệp Cấp nước Vũng Tàu | Số 359 Đường Nguyễn An Ninh, Phường Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh |
| Chi nhánh Cấp nước Bà Rịa | Số 4 Đường Điện Biên Phủ, Phường Bà Rịa, TP. Hồ Chí Minh |
| Xí nghiệp Cấp nước Long Điền | Ngã ba Lò Vôi, Xã Long Hải, TP. Hồ Chí Minh |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu - Xí nghiệp Sản xuất và Dịch vụ Cấp nước | Khu phố 4, Phường Bà Rịa, TP. Hồ Chí Minh |

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ và thương mại;
- Sản xuất các sản phẩm chuyên ngành cấp thoát nước;
- Xây dựng công trình cấp thoát nước, công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông;
- Mua bán vật tư chuyên ngành cấp thoát nước;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch và hoạt động thể thao;
- Thiết kế công trình cấp thoát nước;
- Duy tu bảo dưỡng đường bộ, trám, vá, sửa chữa mặt đường, vỉa hè;
- Gia công cơ khí;
- Cung cấp phần mềm tin học quản lý hệ cấp nước, cài đặt hướng dẫn sử dụng và bảo hành;
- Dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, vận hành nhà máy cấp nước;
- Kiểm định đồng hồ đo nước lạnh theo quy định của Nhà nước.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm |
|-----------------------|--------------|---------------------------------------|
| Ông Đinh Chí Đức | Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2023 |
| Ông Nguyễn Lương Điền | Phó Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2023 |
| Ông Võ Văn Bình | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2023 |
| Bà Lê Minh Đức | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2023 |
| Ông Nguyễn Tiến Lạng | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2023 |
| Ông Nguyễn Cảnh Tùng | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2023 |
| Ông Phạm Tấn Luận | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2023 |
| Bà Võ Thị Nhã | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2023 |
| Bà Trần Khánh Linh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2023 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm |
|--------------------------|------------|---------------------------------------|
| Ông Nguyễn Quốc Huy | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2023 |
| Bà Nguyễn Thị Hoàng Ngọc | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2023 |
| Bà Nguyễn Ý Minh | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2023 |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm |
|-----------------------|-------------------|---------------------------------------|
| Ông Nguyễn Lương Điền | Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2023 |
| Bà Võ Thị Nhã | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 05 tháng 9 năm 2024 |
| Ông Nguyễn Tiến Lạng | Phó Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2023 |
| Ông Nguyễn Cảnh Tùng | Phó Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2023 |
| Ông Phạm Tuấn Luận | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 04 tháng 8 năm 2025 |

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày tái bổ nhiệm |
|-----------------------|---------------|---------------------------------------|
| Ông Đinh Chí Đức | Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2023 |
| Ông Nguyễn Lương Điền | Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2023 |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Đinh Chí Đức
Chủ tịch

Ngày 04 tháng 3 năm 2026



Số: 1.0222/26/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 04 tháng 3 năm 2026, từ trang 07 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phù hợp nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.1 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp về khoản nợ tiềm tàng. Theo Công văn số 11768/UBND-VP ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng giai đoạn 2011 - 2015 thông qua Quỹ Bảo vệ và Phát triển Môi trường rừng tỉnh và tiền chi trả dịch vụ môi trường giai đoạn này phải được hạch toán vào chi phí sản xuất của Công ty tại năm chi trả. Hiện tại, Công ty chưa nhận được thông báo cụ thể về số tiền phải nộp của giai đoạn này nên Công ty chưa ghi nhận nghĩa vụ nợ vào Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ngoài ra, Công ty không nhận được thông báo lịch thu nợ cụ thể và thông báo số dư nợ từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam cũng như từ Bộ Tài chính đối với khoản vay dài hạn (xem thuyết minh số V.18b). Vì vậy, Công ty có thể phát sinh chi phí lãi vay phải trả cho khoản vay này.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Minh Trí

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0089-2023-008-1

Người được ủy quyền

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 3 năm 2026

Lương Anh Vũ

Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1832-2023-008-1



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30/4, Phường Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 321.890.519.389 | 367.364.467.665 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 57.326.493.592 | 152.568.157.770 |
| 1. Tiền | 111 | | 29.326.493.592 | 8.268.157.770 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 28.000.000.000 | 144.300.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 176.835.000.000 | 152.135.000.000 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2a | 176.835.000.000 | 152.135.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 22.245.589.444 | 13.647.449.247 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 15.305.658.603 | 8.777.559.002 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 3.488.310.503 | 2.035.029.460 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5 | 3.813.029.093 | 3.238.327.035 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (361.408.755) | (403.466.250) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 52.367.841.765 | 45.047.924.181 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 52.367.841.765 | 45.047.924.181 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 13.115.594.588 | 3.965.936.467 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | - | - |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.14 | 13.115.594.588 | 3.965.936.467 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30/4, Phường Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | | |
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 919.067.487.791 | 893.663.140.246 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 757.204.514.844 | 749.524.201.893 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9 | 755.642.414.194 | 748.598.586.401 |
| - Nguyên giá | 222 | | 2.053.146.722.255 | 1.984.009.340.802 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (1.297.504.308.061) | (1.235.410.754.401) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.10 | 1.562.100.650 | 925.615.492 |
| - Nguyên giá | 228 | | 4.008.167.319 | 3.158.462.319 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (2.446.066.669) | (2.232.846.827) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 52.559.456.860 | 42.393.613.627 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.11 | 52.559.456.860 | 42.393.613.627 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 55.469.788.884 | 55.469.788.884 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | V.2b | 28.591.417.984 | 28.591.417.984 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.2b | 26.878.370.900 | 26.878.370.900 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 53.833.727.203 | 46.275.535.842 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.8 | 53.833.727.203 | 46.275.535.842 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 1.240.958.007.180 | 1.261.027.607.911 |



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30/4, Phường Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 147.171.461.990 | 194.017.131.091 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 143.554.352.316 | 190.085.490.141 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.12 | 6.722.385.765 | 5.214.645.351 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.13 | 6.334.352.427 | 3.152.618.000 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.14 | 57.032.545.285 | 10.229.785.335 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | V.15 | 36.950.539.249 | 33.548.308.977 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.16 | 8.004.364.258 | 2.734.191.428 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.17 | 8.165.789.812 | 119.901.192.237 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.18a | 5.976.094.269 | 5.661.562.993 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.19 | 14.368.281.251 | 9.643.185.820 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 3.617.109.674 | 3.931.640.950 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.18b | 3.617.109.674 | 3.931.640.950 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30/4, Phường Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)


| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 1.093.786.545.190 | 1.067.010.476.820 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 1.093.786.545.190 | 1.067.010.476.820 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.20 | 1.000.075.690.000 | 1.000.075.690.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 1.000.075.690.000 | 1.000.075.690.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | V.20 | 91.381.477.690 | 54.800.708.798 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.20 | 2.329.377.500 | 12.134.078.022 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước | 421a | | 333.321.122 | 12.134.078.022 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 1.996.056.378 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 1.240.958.007.180 | 1.261.027.607.911 |



Nguyễn Thị Nhung
Kế toán trưởng/Người lập



TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 3 năm 2026



Nguyễn Lương Điền
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30/4, Phường Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|--|-------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 752.583.412.385 | 744.580.341.694 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 752.583.412.385 | 744.580.341.694 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 320.376.546.499 | 308.552.678.608 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 432.206.865.886 | 436.027.663.086 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 46.804.523.751 | 24.742.197.182 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | 35.190.837 | - |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 35.190.837 | - |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.4 | 102.620.578.527 | 83.291.358.446 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.5 | 99.495.068.753 | 93.119.716.595 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 276.860.551.520 | 284.358.785.227 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.6 | 26.051.566.185 | 11.822.589.609 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.7 | 12.535.884.410 | 11.501.987.101 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 13.515.681.775 | 320.602.508 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 290.376.233.295 | 284.679.387.735 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.14 | 29.085.026.925 | 29.957.773.212 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>261.291.206.370</u> | <u>254.721.614.523</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.8a | <u>2.286</u> | <u>2.227</u> |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.8a | <u>2.286</u> | <u>2.227</u> |



Nguyễn Thị Nhung
Kế toán trưởng/Người lập



TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Lương Điền
Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30/4, Phường Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|------------------------|-------------------------|-------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 290.376.233.295 | 284.679.387.735 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.9, V.10 | 95.886.241.185 | 98.292.130.359 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | V.6 | (42.057.495) | (288.830.504) |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI.3, VI.7 | (46.325.509.278) | (24.699.104.218) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 35.190.837 | - |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 339.930.098.544 | 357.983.583.372 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (14.169.394.431) | 8.001.861.732 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (7.319.917.584) | 10.897.661.109 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 55.416.576.943 | 14.010.536.009 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (7.558.191.361) | (23.766.005.009) |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (35.190.837) | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.14 | (38.000.000.000) | (23.028.365.553) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | V.19 | (29.774.904.569) | (26.695.933.867) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 298.489.076.705 | 317.403.337.793 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.4, V.9 V.11, V.12 | (116.593.316.572) | (93.858.411.938) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | V.9, VI.7 | (386.791.966) | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (342.600.000.000) | (334.900.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 317.900.000.000 | 310.000.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | V.5, VI.3 | 46.032.017.655 | 23.092.417.247 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (95.648.090.883) | (95.665.994.691) |

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30/4, Phường Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|--------------------------|-------------------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.18a | 12.720.704.196 | - |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.18a | (12.720.704.196) | - |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | V.17, V.20a | (298.082.650.000) | (99.437.326.400) |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | <i>40</i> | | <i>(298.082.650.000)</i> | <i>(99.437.326.400)</i> |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | (95.241.664.178) | 122.300.016.702 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 152.568.157.770 | 30.268.141.068 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 57.326.493.592 | 152.568.157.770 |

Nguyễn Thị Nhung
Kế toán trưởng/Người lập



TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Lương Điền
Tổng Giám đốc

15 - C
/ TNHH
VÀ TƯ
C
TP. HỒ



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30/4, Phường Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ và thương mại; xây dựng công trình cấp nước.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty liên kết

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ phần sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|---|--|----------------------------|---------------|-------------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ ⁽ⁱ⁾ | 02 Độc Lập, Khu phố Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, TP. Hồ Chí Minh | Sản xuất nước sạch | 16,69% | 16,69% | 16,69% |
| Công ty Cổ phần Thể thao Vũng Tàu (tiền thân là Công ty Cổ phần Thể thao Du lịch OSC) | 262 Đường Lê Lợi, Phường Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh | Dịch vụ du lịch | 35% | 35% | 35% |

⁽ⁱ⁾ Mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết trong Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ ít hơn 20% nhưng Công ty có ảnh hưởng đáng kể thông qua việc Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ. Do vậy khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ được trình bày ở khoản mục "Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết" trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|---|--|
| Xí nghiệp Xây lắp | Số 359 Đường Nguyễn An Ninh, Phường Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh |
| Xí nghiệp Cấp nước Vũng Tàu | Số 359 Đường Nguyễn An Ninh, Phường Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh |
| Chi nhánh Cấp nước Bà Rịa | Số 4 Đường Điện Biên Phủ, Phường Bà Rịa, TP. Hồ Chí Minh |
| Xí nghiệp Cấp nước Long Điền | Ngã ba Lò Vôi, Xã Long Hải, TP. Hồ Chí Minh |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu - Xí nghiệp Sản xuất và Dịch vụ Cấp nước | Khu phố 4, Phường Bà Rịa, TP. Hồ Chí Minh |



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30/4, Phường Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 423 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 430 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ngày 27 tháng 10 năm 2025 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") và các Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200. Các quy định của Thông tư 99 được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30/4, Phường Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu) và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30/4, Phường Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30/4, Phường Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí thay đồng hồ nước. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Chi phí thay đồng hồ nước

Chi phí thay đồng hồ nước phát sinh theo từng tháng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 36 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30/4, Phường Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05-25 |
| Máy móc và thiết bị | 03-10 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 03-30 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 02-08 |

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 10 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30/4, Phường Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. **Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

12. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

13. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu cung cấp nước sạch

Doanh thu cung cấp nước sạch được ghi nhận vào từng kỳ (mỗi tháng) dựa trên khối lượng nước (m³) mà khách hàng đã tiêu thụ (chỉ số đồng hồ nước cuối kỳ trừ chỉ số đồng hồ nước đầu kỳ) nhân với đơn giá nước tại quyết định của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là UBND TP. Hồ Chí Minh) theo từng thời điểm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30/4, Phường Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30/4, Phường Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30/4, Phường Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|------------------------|
| Tiền mặt | 4.883.446.810 | 1.356.143.373 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 24.443.046.782 | 6.912.014.397 |
| Các khoản tương đương tiền - Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng | 28.000.000.000 | 144.300.000.000 |
| Cộng | 57.326.493.592 | 152.568.157.770 |

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi ngân hàng có thời hạn còn lại dưới 12 tháng.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Đầu tư vào công ty liên kết | 28.591.417.984 | - | 28.591.417.984 | - |
| Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ ⁽ⁱ⁾ | 25.791.417.984 | - | 25.791.417.984 | - |
| Công ty Cổ phần Thể thao Vũng Tàu (tiền thân là Công ty Cổ phần Thể thao Du lịch OSC) ⁽ⁱⁱ⁾ | 2.800.000.000 | - | 2.800.000.000 | - |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26.878.370.900 | - | 26.878.370.900 | - |
| Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 21.534.000.000 | - | 21.534.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Môi trường và Công trình Đô thị Vũng Tàu ^(iv) | 5.344.370.900 | - | 5.344.370.900 | - |
| Cộng | 55.469.788.884 | - | 55.469.788.884 | - |

(i) Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ với số tiền là 25.791.417.984 VND, tương đương 8.346.064 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 16,69% vốn điều lệ.

(ii) Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Thể thao Vũng Tàu (tiền thân là Công ty Cổ phần Thể thao Du lịch OSC) với số tiền là 2.800.000.000 VND, tương đương 280.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 35% vốn điều lệ.

(iii) Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức với số tiền là 21.534.000.000 VND, tương đương 2.940.300 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 5,11% vốn điều lệ.

(iv) Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Môi trường và Công trình Đô thị Vũng Tàu với số tiền là 5.344.370.900 VND tương đương 515.803 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 9,55% vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30/4, Phường Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty liên kết như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------|------------------|
| Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ | | |
| Cổ tức phải trả | 10.135.196.000 | 10.135.196.000 |
| Cổ tức được chia | 25.038.192.000 | 8.346.063.550 |
| Cung cấp dịch vụ xây lắp | 5.619.355.667 | 40.840.944 |
| Cung cấp dịch vụ khác | 64.814.815 | 64.814.815 |
| Ứng trước tiền thi công | - | 3.196.726.220 |

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| Phải thu khách hàng cung cấp nước | 15.305.658.603 | 8.345.677.407 |
| Phải thu khách hàng thi công, lắp đặt | - | 431.881.595 |
| Cộng | <u>15.305.658.603</u> | <u>8.777.559.002</u> |

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Nhật Hưng | 1.249.641.000 | - |
| Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Thương mại Hùng Anh | 781.655.819 | - |
| Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Duy Bảo | 296.460.000 | 845.640.000 |
| Công ty TNHH Du Thuyền Viễn Đông | - | 269.386.560 |
| Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ An Bình Full | 367.000.000 | 290.000.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 793.553.684 | 630.002.900 |
| Cộng | <u>3.488.310.503</u> | <u>2.035.029.460</u> |

Trong đó, số dư công nợ trả trước cho người bán liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản cuối năm là 3.146.062.803 VND (số đầu năm là 290.000.000 VND).

5. Phải thu ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|----------------------------------|-----------------------------|-----------------|-----------------------------|-----------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Tạm ứng | 30.000.000 | - | 140.000.000 | - |
| Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn | 3.597.714.931 | - | 2.917.431.342 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 185.314.162 | - | 180.895.693 | - |
| Cộng | <u>3.813.029.093</u> | <u>-</u> | <u>3.238.327.035</u> | <u>-</u> |



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30/4, Phường Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**6. Nợ xấu**

| | Thời gian quá hạn | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-------------------------------|----------------------|--------------------|---------------------------|--------------------|---------------------------|
| | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Phải thu khách hàng tiền nước | Trên 03 năm | 361.408.755 | - | Trên 03 năm | 403.466.250 |
| Cộng | | 361.408.755 | - | 403.466.250 | - |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------|--------------------|--------------------|
| Số đầu năm | 403.466.250 | 692.296.754 |
| Hoàn nhập dự phòng | (42.057.495) | (288.830.504) |
| Số cuối năm | 361.408.755 | 403.466.250 |

7. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 38.676.236.132 | - | 33.840.804.056 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 1.403.633.176 | - | 1.018.133.148 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 12.287.972.457 | - | 10.188.986.977 | - |
| Cộng | 52.367.841.765 | - | 45.047.924.181 | - |

8. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Công cụ dụng cụ | 2.433.422.229 | 2.617.381.449 |
| Chi phí sửa chữa tài sản cố định | 6.742.253.743 | 7.442.494.209 |
| Chi phí thay đồng hồ nước | 42.547.773.894 | 32.537.115.115 |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 2.110.277.337 | 3.678.545.069 |
| Cộng | 53.833.727.203 | 46.275.535.842 |

9. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|---|---------------------------|------------------------|------------------------------------|------------------------------|--------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 526.327.446.461 | 112.629.905.414 | 1.338.387.505.412 | 6.664.483.515 | 1.984.009.340.802 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 2.711.378.103 | 5.039.372.932 | 94.709.828.101 | 256.270.000 | 102.716.849.136 |
| Thanh lý, nhượng bán | (10.291.636.238) | (19.100.261.203) | (4.156.570.242) | (31.000.000) | (33.579.467.683) |
| Số cuối năm | 518.747.188.326 | 98.569.017.143 | 1.428.940.763.271 | 6.889.753.515 | 2.053.146.722.255 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 167.789.799.275 | 77.088.463.170 | 657.858.995.298 | 4.907.369.996 | 907.644.627.739 |
| Chờ thanh lý | - | - | - | - | - |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30/4, Phường Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|-------------------------|---------------------------|------------------------|------------------------------------|------------------------------|--------------------------|
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 236.698.805.864 | 101.752.906.547 | 891.405.095.429 | 5.553.946.561 | 1.235.410.754.401 |
| Khấu hao trong năm | 21.471.938.881 | 3.742.019.383 | 70.156.230.062 | 302.833.017 | 95.673.021.343 |
| Thanh lý, nhượng bán | (10.291.636.238) | (19.100.261.203) | (4.156.570.242) | (31.000.000) | (33.579.467.683) |
| Số cuối năm | 247.879.108.507 | 86.394.664.727 | 957.404.755.249 | 5.825.779.578 | 1.297.504.308.061 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 289.628.640.597 | 10.876.998.867 | 446.982.409.983 | 1.110.536.954 | 748.598.586.401 |
| Số cuối năm | 270.868.079.819 | 12.174.352.416 | 471.536.008.022 | 1.063.973.937 | 755.642.414.194 |

Trong đó:

| | | | | | |
|-----------------------|---|---|---|---|---|
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - |

10. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Phần mềm máy vi tính | Cộng |
|---------------------------------------|----------------------|-------------------------|----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 550.000.000 | 2.608.462.319 | 3.158.462.319 |
| Mua trong năm | - | 849.705.000 | 849.705.000 |
| Số cuối năm | 550.000.000 | 3.458.167.319 | 4.008.167.319 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | 1.913.734.819 | 1.913.734.819 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | - | 2.232.846.827 | 2.232.846.827 |
| Khấu hao trong năm | - | 213.219.842 | 213.219.842 |
| Số cuối năm | - | 2.446.066.669 | 2.446.066.669 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 550.000.000 | 375.615.492 | 925.615.492 |
| Số cuối năm | 550.000.000 | 1.012.100.650 | 1.562.100.650 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Tạm thời không sử dụng | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - |

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển vào TSCĐ trong năm | Kết chuyển chi phí | Số cuối năm |
|---|-----------------------|--------------------------------|----------------------------------|-------------------------|-----------------------|
| Mua sắm tài sản cố định | 384.438.035 | 7.777.667.942 | (7.977.845.977) | - | 184.260.000 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 42.009.175.592 | 113.495.613.735 | (92.435.131.124) | (10.694.461.343) | 52.375.196.860 |
| - Công trình cải tạo tuyến ống truyền tải D760 đường Võ Nguyên Giáp từ lý trình KM 72+910 - KM 73+610 | - | 11.593.724.051 | - | - | 11.593.724.051 |
| - Các công trình khác | 42.009.175.592 | 101.901.889.684 | (92.435.131.124) | (10.694.461.343) | 40.781.472.809 |
| Sửa chữa lớn tài sản cố định | - | 4.411.547.879 | (2.303.872.035) | (2.107.675.844) | - |
| Cộng | 42.393.613.627 | 125.684.829.556 | (102.716.849.136) | (12.802.137.187) | 52.559.456.860 |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30/4, Phường Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|----------------------|----------------------|
| Công ty TNHH Du thuyền Viễn Đông | 2.317.477.861 | 1.740.722.694 |
| Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại Duy An | 874.997.640 | 75.976.920 |
| Công ty TNHH Xây dựng Tây Bắc | 752.703.840 | - |
| Ông Vũ Hùng Mạnh | 472.595.682 | 1.331.881.510 |
| Ông Nguyễn Văn Tuấn | 487.563.605 | 706.057.456 |
| Ông Dương Duy Khỏe | 978.102.766 | 696.382.840 |
| Các nhà cung cấp khác | 838.944.371 | 663.623.931 |
| Cộng | 6.722.385.765 | 5.214.645.351 |

Trong đó, số dư công phải trả người bán liên quan đến mua sắm tài sản cố định cuối năm là 27.806.900 VND (số đầu năm là 32.663.300 VND).

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|----------------------|----------------------|
| <i>Trả trước của bên liên quan</i> | <i>1.647.274.000</i> | <i>3.152.618.000</i> |
| Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ | 1.647.274.000 | 3.152.618.000 |
| <i>Trả trước của các khách hàng khác</i> | <i>4.687.078.427</i> | - |
| Công ty TNHH Xây dựng Dân dụng Olympia | 4.585.585.548 | - |
| Các khách hàng khác | 101.492.879 | - |
| Cộng | 6.334.352.427 | 3.152.618.000 |

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | | Số phát sinh trong năm | | Số cuối năm | |
|--|-----------------------|----------------------|------------------------|--------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Phải nộp | Phải thu | Số phải nộp | Số đã thực nộp | Phải nộp | Phải thu |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 1.835.144.809 | - | 25.844.262.764 | (27.137.680.305) | 541.727.268 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 3.965.936.467 | 29.085.026.925 | (38.000.000.000) | - | 12.880.909.542 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 1.257.209.627 | - | 19.291.153.631 | (20.007.743.813) | 540.619.445 | - |
| Thuế tài nguyên | 7.963.049 | - | 56.018.168 | (72.422.994) | - | 8.441.777 |
| Tiền thuê đất | - | - | 1.288.490.383 | (1.514.733.652) | - | 226.243.269 |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 7.129.467.850 | - | 112.069.022.832 | (63.248.292.110) | 55.950.198.572 | - |
| Cộng | 10.229.785.335 | 3.965.936.467 | 187.633.974.703 | (149.980.872.874) | 57.032.545.285 | 13.115.594.588 |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Cung cấp nước 05%
- Cung cấp dịch vụ khác 10%

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% cho một số hàng hóa, dịch vụ theo Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 và Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội)



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30/4, Phường Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Từ năm 2018, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% cho thu nhập từ hoạt động sản xuất nước do đáp ứng loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa lĩnh vực môi trường.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 290.376.233.295 | 284.679.387.735 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | <u>5.454.130.277</u> | <u>5.074.860.610</u> |
| Thu nhập chịu thuế | 295.832.663.572 | 289.754.248.345 |
| Thu nhập được miễn thuế | <u>(35.690.304.100)</u> | <u>(14.587.726.100)</u> |
| Thu nhập tính thuế | 260.142.359.472 | 275.166.522.245 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông | 52.028.471.894 | 55.033.304.449 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông | (22.942.984.969) | (25.638.769.871) |
| Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước | - | 563.238.634 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp | <u>29.085.026.925</u> | <u>29.957.773.212</u> |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước dưới mặt đất với các mức thuế suất như sau:

- Sử dụng nước dưới đất phục vụ sản xuất 03%
- Sử dụng nước dưới đất khai thác dùng vào mục đích khác 01%

Tiền thuê đất

Công ty nộp tiền thuê đất theo thông báo nộp tiền thuê đất của Cục thuế Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Mức phí nước thải sinh hoạt là 10% trên giá nước hiện hành của Công ty cung cấp nước cho các đối tượng dùng nước máy. Toàn bộ phí nước thải phải nộp vào ngân sách Nhà nước sau khi trừ chi phí cho công tác thu phí là 10% trên tổng số phí nước thải theo Quyết định số 59/2013/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Mức phí nước thải công nghiệp nộp theo thông báo của Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30/4, Phường Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

15. Phải trả người lao động

Quy lương được xây dựng dựa trên đơn giá tiền lương 2.000 VND/m³ nước thương phẩm theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 03-2017/BBH-HĐQT ngày 08 tháng 7 năm 2017.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí nước thô | 4.657.189.500 | - |
| Tiền lương phép phải trả | 1.984.708.000 | 1.965.433.000 |
| Trích Quỹ Bảo vệ và Phát triển Môi trường rừng | 816.595.498 | 743.281.760 |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 545.871.260 | 25.476.668 |
| Cộng | <u>8.004.364.258</u> | <u>2.734.191.428</u> |

17. Phải trả ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|-------------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | - | 47.014.017.500 |
| Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ - Cổ tức phải trả | - | 5.574.558.000 |
| Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu - Cổ tức phải trả | - | 29.875.553.300 |
| Tỉnh ủy Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu - Cổ tức phải trả | - | 11.563.906.200 |
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | 8.165.789.812 | 72.887.174.737 |
| Các khoản bảo hiểm phải nộp | - | 3.594.792 |
| Nhận đặt cọc, ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 2.445.724.850 | 1.785.724.850 |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 5.091.786.060 | 56.145.280.560 |
| Tiền bồi thường, hỗ trợ ⁽ⁱ⁾ | - | 14.350.165.525 |
| Phí nước thải được hưởng | 503.443.329 | 503.443.329 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 124.835.573 | 98.965.681 |
| Cộng | <u>8.165.789.812</u> | <u>119.901.192.237</u> |

⁽ⁱ⁾ Khoản tiền bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 1864/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu về việc phê duyệt phương án bồi thường hệ thống cấp nước cho Công ty do nằm trong mặt bằng thi công xây dựng nâng cấp, mở rộng tình lộ 994 đoạn từ vòng xoay Nhà Lớn Long Sơn đến Quốc lộ 51 và xây dựng đoạn từ Quốc lộ 51 đến cầu Cửa Lấp, TP. Hồ Chí Minh (trước đây là Thành Phố Vũng Tàu). Theo tiến độ của dự án, Công ty đang trong quá trình tháo dỡ, di dời các tuyến ống cấp nước hiện hữu để bàn giao mặt bằng cho Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu. Trong năm, Công ty đã gửi các công văn về việc bàn giao và hoàn trả tài sản thu hồi là tuyến ống D800, D760 cho các ban ngành có liên quan. Ngày 20 tháng 5 năm 2025, Ban Quản lý Dự án chuyên ngành giao thông và dân dụng đã gửi Công văn số 826/CV-QLDA cho Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu xem xét, chỉ đạo và tổ chức thực hiện thủ tục thanh lý tuyến ống cấp nước D800 và D760 để hoàn trả vốn ngân sách nhà nước đầu tư dự án theo quy định. Theo Công văn này, căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 14 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thì đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có trách nhiệm thực hiện việc bán vật tư, vật liệu, tài sản thu hồi, Công ty không có chức năng, nhiệm vụ thực hiện bán vật liệu thu hồi là tuyến ống D800 và D760. Do vậy, Công ty đã ghi nhận vào thu nhập khác khoản tiền bồi thường, hỗ trợ này trong năm nay.

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30/4, Phường Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

18. Vay

18a. Vay ngắn hạn

Khoản vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (xem thuyết minh số V.18b).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh của khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong năm | Kết chuyển từ vay dài hạn | Số tiền vay đã trả trong năm | Số cuối năm |
|-----------------------------------|----------------------|---------------------------------|---------------------------|------------------------------|----------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | - | 12.720.704.196 | - | (12.720.704.196) | - |
| Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả | 5.661.562.993 | - | 314.531.276 | - | 5.976.094.269 |
| Cộng | 5.661.562.993 | 12.720.704.196 | 314.531.276 | (12.720.704.196) | 5.976.094.269 |

18b. Vay dài hạn

Khoản vay không có tài sản thế chấp Ngân hàng Phát triển Việt Nam (trước đây là Quỹ hỗ trợ phát triển Việt Nam) 9.593.203.943 VND để thực hiện thanh toán phí tư vấn trong nước của dự án Hệ thống cấp nước Hồ Đá Đen giai đoạn I. Khoản vay này là một phần trong thỏa thuận vay giữa Quỹ hợp tác kinh tế hải ngoại Nhật Bản và Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã được ký kết ngày 30 tháng 3 năm 1998 cho Dự án cấp nước miền Nam Việt Nam (thuộc tỉnh Đồng Nai và Bà Rịa Vũng Tàu). Theo thỏa thuận này, thời gian hoàn vốn vay là 30 năm kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2008, mỗi năm trả làm 2 đợt vào ngày 20 tháng 3 và 20 tháng 9. Hiện nay, Công ty không nhận được thông báo lịch thu nợ cụ thể và thông báo số dư nợ từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam cũng như từ Bộ Tài chính.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán của khoản vay dài hạn như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------|----------------------|----------------------|
| Từ 01 năm trở xuống | 5.976.094.269 | 5.661.562.993 |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 1.258.125.104 | 1.258.125.104 |
| Trên 05 năm | 2.358.984.570 | 2.673.515.846 |
| Tổng nợ | 9.593.203.943 | 9.593.203.943 |

Chi tiết số phát sinh của khoản vay dài hạn trong năm như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|------------------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 3.931.640.950 | 4.246.172.226 |
| Kết chuyển sang vay ngắn hạn | (314.531.276) | (314.531.276) |
| Số cuối năm | 3.617.109.674 | 3.931.640.950 |

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 9.643.185.820 | 3.954.007.426 |
| Tăng do trích lập từ lợi nhuận | 34.500.000.000 | 32.385.112.261 |
| Chi quỹ trong năm | (29.774.904.569) | (26.695.933.867) |
| Số cuối năm | 14.368.281.251 | 9.643.185.820 |



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30/4, Phường Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**20. Vốn chủ sở hữu****20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|-----------------------------------|---------------------------|--------------------------|---|--------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 900.000.000.000 | 116.668.156.620 | 28.014.143.838 | 1.044.682.300.458 |
| Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển | 100.075.690.000 | (100.075.690.000) | - | - |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | 254.721.614.523 | 254.721.614.523 |
| Trích lập các quỹ trong năm trước | - | 38.208.242.178 | (70.593.354.439) | (32.385.112.261) |
| Chia cổ tức trong năm trước | - | - | (200.008.325.900) | (200.008.325.900) |
| Số dư cuối năm trước | 1.000.075.690.000 | 54.800.708.798 | 12.134.078.022 | 1.067.010.476.820 |
| Số dư đầu năm nay | 1.000.075.690.000 | 54.800.708.798 | 12.134.078.022 | 1.067.010.476.820 |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | 261.291.206.370 | 261.291.206.370 |
| Trích lập các quỹ trong năm nay | - | 36.580.768.892 | (71.080.768.892) | (34.500.000.000) |
| Chia cổ tức trong năm nay | - | - | (200.015.138.000) | (200.015.138.000) |
| Số dư cuối năm nay | 1.000.075.690.000 | 91.381.477.690 | 2.329.377.500 | 1.093.786.545.190 |

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh) | 362.505.030.000 | 362.505.030.000 |
| Tỉnh ủy Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Thành ủy TP. Hồ Chí Minh) | 105.126.420.000 | 105.126.420.000 |
| Các cổ đông khác | 532.444.240.000 | 532.444.240.000 |
| Cộng | 1.000.075.690.000 | 1.000.075.690.000 |

20c. Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|-------------|-------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 100.007.569 | 100.007.569 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 100.007.569 | 100.007.569 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 100.007.569 | 100.007.569 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 100.007.569 | 100.007.569 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 100.007.569 | 100.007.569 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30/4, Phường Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

20d. Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

| | Số được phân phối | Số đã trích trong năm trước | Số trích trong năm nay |
|--|----------------------|-----------------------------------|---------------------------|
| • Chia cổ tức bằng tiền mặt (19% mệnh giá) | 182.008.325.900 | 182.008.325.900 | - |
| • Trích Quỹ đầu tư phát triển (15% Lợi nhuận sau thuế năm 2024) | 38.208.242.178 | 38.208.242.178 | - |
| • Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (13,27% Lợi nhuận sau thuế năm 2024) | 33.801.558.247 | 32.000.000.000 | 1.800.000.000 |

Trong năm Công ty cũng tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ đầu tư phát triển với số tiền lần lượt là 32.700.000.000 VND và 36.580.768.892 VND dựa trên kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông ngày 29 tháng 4 năm 2025 và Biên bản họp số 08-2025/BBH-HĐQT của Hội đồng quản trị được chấp thuận thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2025.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua các nghị quyết sau:

- Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐQT ngày 09 tháng 6 năm 2025:
 - Thanh toán lợi nhuận để lại của các năm trước với tỷ lệ là 1% mệnh giá cổ phiếu, tương đương số tiền là 10.000.756.900 VND.
 - Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2025 với tỷ lệ là 9% mệnh giá cổ phiếu, tương đương số tiền là 90.006.812.100 VND;
- Nghị quyết số 07/2025/HĐQT ngày 11 tháng 11 năm 2025: tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2025 với tỷ lệ là 10% mệnh giá cổ phiếu, tương đương số tiền là 100.007.569.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu cung cấp nước thành phẩm | 740.806.766.850 | 739.898.805.280 |
| Doanh thu hoạt động thi công, lắp đặt | 9.391.469.348 | 2.619.788.551 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 1.980.000.000 | 1.980.000.000 |
| Doanh thu khác | 405.176.187 | 81.747.863 |
| Cộng | 752.583.412.385 | 744.580.341.694 |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty chỉ phát sinh giao dịch cung cấp dịch vụ vận hành cho Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức với số tiền là 1.980.000.000 VND (năm trước là 1.980.000.000 VND).



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30/4, Phường Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| 2. Giá vốn hàng bán | | |
| Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp | 312.379.632.119 | 307.069.210.421 |
| Giá vốn của hoạt động thi công, lắp đặt | 7.964.891.530 | 1.159.257.347 |
| Giá vốn của cung cấp dịch vụ | 32.022.850 | 324.210.840 |
| Cộng | <u>320.376.546.499</u> | <u>308.552.678.608</u> |
| 3. Doanh thu hoạt động tài chính | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 11.021.997.144 | 8.956.493.187 |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 92.222.507 | 43.092.964 |
| Lãi tiền cho vay | - | 1.154.884.931 |
| Cổ tức được chia | 35.690.304.100 | 14.587.726.100 |
| Cộng | <u>46.804.523.751</u> | <u>24.742.197.182</u> |
| 4. Chi phí bán hàng | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Chi phí nhân viên | 27.945.889.966 | 29.957.856.124 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | 22.584.236.361 | 17.934.248.520 |
| Chi phí bảo hành | 7.544.968.651 | 6.098.594.656 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 95.628.223 | - |
| Chi phí sửa chữa, cải tạo đường ống | 35.572.610.805 | 23.444.172.310 |
| Các chi phí khác | 8.877.244.521 | 5.856.486.836 |
| Cộng | <u>102.620.578.527</u> | <u>83.291.358.446</u> |
| 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Chi phí cho nhân viên | 59.108.234.740 | 57.918.576.309 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 443.846.164 | 790.398.349 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 3.503.844.493 | 3.780.339.275 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2.987.236.427 | 2.802.705.919 |
| Thuế, phí và lệ phí | 1.502.598.049 | 4.533.110.581 |
| Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi | (42.057.495) | (288.830.504) |
| Chi phí tiếp khách | 6.696.729.846 | 6.041.019.760 |
| Các chi phí khác | 25.294.636.529 | 17.542.396.906 |
| Cộng | <u>99.495.068.753</u> | <u>93.119.716.595</u> |
| 6. Thu nhập khác | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Tiền bồi thường di dời hệ thống cấp nước | 14.350.165.525 | - |
| Thu nhập do chuyển nhượng vật tư | - | 229.037.537 |
| Các khoản thu nhập khác | 11.701.400.660 | 11.593.552.072 |
| Cộng | <u>26.051.566.185</u> | <u>11.822.589.609</u> |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30/4, Phường Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí phục vụ thu phí BVMT, dịch vụ thoát nước | 11.828.122.011 | 10.261.807.779 |
| Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 386.791.966 | - |
| Tiền thuế chậm nộp | 215.419.171 | 1.240.179.322 |
| Chi phí khác | 130.876.262 | - |
| Cộng | <u>12.535.884.410</u> | <u>11.501.987.101</u> |

8. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|---------------------|---------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 261.291.206.370 | 254.721.614.523 |
| Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi | (32.700.000.000) | (32.000.000.000) |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 228.591.206.370 | 222.721.614.523 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 100.007.569 | 100.007.569 |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | <u>2.286</u> | <u>2.227</u> |

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 132.737.902.779 | 119.986.326.862 |
| Chi phí nhân công | 182.485.604.305 | 171.699.597.698 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 95.886.241.185 | 98.292.130.359 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 56.126.172.709 | 42.846.654.389 |
| Chi phí khác | 56.806.713.485 | 43.401.873.705 |
| Cộng | <u>524.042.634.462</u> | <u>476.226.583.013</u> |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

Theo Công văn số 11768/UBND-VP ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng giai đoạn 2011 - 2015 thông qua Quỹ Bảo vệ và Phát triển Môi trường rừng tỉnh và tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng giai đoạn này phải được hạch toán vào chi phí sản xuất của Công ty tại năm chi trả. Hiện tại, Công ty chưa nhận được thông báo cụ thể về số tiền phải nộp của giai đoạn này nên Công ty chưa ghi nhận nghĩa vụ nợ vào Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ngoài ra, Công ty không nhận được thông báo lịch thu nợ cụ thể và thông báo số dư nợ từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam cũng như từ Bộ Tài chính đối với khoản vay dài hạn (xem thuyết minh số V.18b). Vì vậy, Công ty có thể phát sinh chi phí lãi vay phải trả cho khoản vay này.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30/4, Phường Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt, chỉ phát sinh giao dịch chia cổ tức với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------|----------------|------------------|
| Hội đồng quản trị | 6.637.028.000 | 8.288.846.896 |
| Ban Tổng Giám đốc | 203.192.000 | 239.396.035 |
| Ban kiểm soát | 1.350.944.000 | 1.782.195.739 |

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Các thành viên Hội đồng quản trị | | |
| Ông Đinh Chí Đức - Chủ tịch | 1.953.846.000 | 1.906.220.000 |
| Ông Nguyễn Lương Điền - Phó Chủ tịch | 300.000.000 | 290.000.000 |
| Ông Võ Văn Bình - Thành viên | 241.000.000 | 226.000.000 |
| Bà Lê Minh Đức - Thành viên | 1.618.659.000 | 1.459.596.000 |
| Ông Nguyễn Tiến Lạng - Thành viên | 246.000.000 | 236.000.000 |
| Ông Nguyễn Cảnh Tùng - Thành viên | 246.000.000 | 236.000.000 |
| Ông Phạm Tấn Luận - Thành viên | 688.084.500 | 226.000.000 |
| Bà Võ Thị Nhã - Thành viên | 1.612.636.000 | 1.380.011.000 |
| Bà Trần Khánh Linh - Thành viên | 1.149.864.000 | 1.007.318.000 |
| Các thành viên Ban kiểm soát | | |
| Ông Nguyễn Quốc Huy - Trưởng ban | 236.000.000 | 226.000.000 |
| Bà Nguyễn Thị Hoàng Ngọc - Thành viên | 1.504.189.000 | 1.354.536.000 |
| Bà Nguyễn Ý Minh - Thành viên | 664.794.000 | 611.993.000 |
| Các thành viên Ban điều hành, quản lý | | |
| Ông Nguyễn Lương Điền - Tổng Giám đốc | 1.645.024.000 | 1.599.134.000 |
| Ông Nguyễn Tiến Lạng - Phó Tổng Giám đốc | 1.541.754.000 | 1.507.830.000 |
| Ông Nguyễn Cảnh Tùng - Phó Tổng Giám đốc | 1.541.754.000 | 1.513.990.000 |
| Bà Nguyễn Thị Nhung - Kế toán trưởng | 1.442.511.000 | 1.320.786.000 |
| Cộng | <u>16.632.115.500</u> | <u>15.101.414.000</u> |



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30/4, Phường Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|---|--|
| Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu | Cổ đông lớn |
| Tỉnh ủy Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu | Cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Thể thao Vũng Tàu (tiền thân là Công ty Cổ phần Thể thao Du lịch OSC) | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức | Các thành viên chủ chốt và cá nhân có liên quan với thành viên chủ chốt của Công ty là thành viên chủ chốt của Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức |
| Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật D&B | Thành viên chủ chốt của Công ty là thành viên chủ chốt của Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật |
| Công ty Cổ phần Nước, Môi trường và Hạ tầng Kỹ thuật Sài Gòn | Thành viên chủ chốt của Công ty Cổ phần Nước, Môi trường và Hạ tầng Kỹ thuật Sài Gòn có quan hệ mật thiết với Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác là như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------|------------------|
| Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh) | | |
| Cổ tức phải trả | 72.501.006.000 | 72.498.396.300 |
| Tỉnh ủy Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Thành ủy TP. Hồ Chí Minh) | | |
| Cổ tức phải trả | 21.025.284.000 | 21.024.527.200 |
| Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức | | |
| Cổ tức được chia | 10.291.050.000 | 5.880.600.000 |
| Chi cho vay | - | 50.000.000.000 |
| Lãi cho vay | - | 1.154.884.931 |
| Thanh lý vật tư | - | 218.484.810 |
| Mua hàng hóa | - | 17.526.600 |
| Công ty Cổ phần Nước, Môi trường và Hạ tầng Kỹ thuật Sài Gòn | | |
| Tư vấn và giám sát công trình | 1.061.719.908 | 562.277.379 |
| Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật D&B | | |
| Mua hàng vật tư ngành nước | 16.730.126.860 | 7.429.094.200 |
| Cổ tức phải trả | 2.500.200.000 | 2.250.000.000 |

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Giá hàng hóa, dịch vụ mua của các bên liên quan khác là giá thỏa thuận.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30/4, Phường Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.13 và V.17.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất và cung cấp nước (chiếm 99,44% doanh thu toàn Công ty) và được thực hiện ở khu vực Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là TP. Hồ Chí Minh).

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

| | Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá | Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá | Cộng |
|---|------------------------------------|--------------------------------|------------------------|
| Số cuối năm | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 57.326.493.592 | - | 57.326.493.592 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 176.835.000.000 | - | 176.835.000.000 |
| Phải thu khách hàng | 14.944.249.848 | 361.408.755 | 15.305.658.603 |
| Các khoản phải thu khác | 3.783.029.093 | - | 3.783.029.093 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 26.878.370.900 | - | 26.878.370.900 |
| Cộng | 279.767.143.433 | 361.408.755 | 280.128.552.188 |



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30/4, Phường Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá | Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá | Cộng |
|---|------------------------------------|--------------------------------|------------------------|
| Số đầu năm | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 152.568.157.770 | - | 152.568.157.770 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 152.135.000.000 | - | 152.135.000.000 |
| Phải thu khách hàng | 8.374.092.752 | 403.466.250 | 8.777.559.002 |
| Các khoản phải thu khác | 3.098.327.035 | - | 3.098.327.035 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 26.878.370.900 | - | 26.878.370.900 |
| Cộng | 343.053.948.457 | 403.466.250 | 343.457.414.707 |

Thời gian quá hạn của Phải thu khách hàng được trình bày ở thuyết minh số V.6.

4b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phát sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

| | Từ 01 năm trở xuống | Trên 01 năm đến 05 năm | Trên 05 năm | Cộng |
|-------------------------|------------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
| Số cuối năm | | | | |
| Phải trả người bán | 6.722.385.765 | - | - | 6.722.385.765 |
| Vay và nợ | 5.976.094.269 | 1.258.125.104 | 2.358.984.570 | 9.593.203.943 |
| Các khoản phải trả khác | 16.172.454.070 | - | - | 16.172.454.070 |
| Cộng | 28.870.934.104 | 1.258.125.104 | 2.358.984.570 | 32.488.043.778 |
| Số đầu năm | | | | |
| Phải trả người bán | 5.214.645.351 | - | - | 5.214.645.351 |
| Vay và nợ | 5.661.562.993 | 1.258.125.104 | 2.673.515.846 | 9.593.203.943 |
| Các khoản phải trả khác | 122.631.788.873 | - | - | 122.631.788.873 |
| Cộng | 133.507.997.217 | 1.258.125.104 | 2.673.515.846 | 137.439.638.167 |

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty chỉ có rủi ro giá nguyên vật liệu.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30/4, Phường Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

4d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|------------------------|----------------------|------------------------|----------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 57.326.493.592 | - | 152.568.157.770 | - |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 176.835.000.000 | - | 152.135.000.000 | - |
| Phải thu khách hàng | 15.305.658.603 | (361.408.755) | 8.777.559.002 | (403.466.250) |
| Các khoản phải thu khác | 3.783.029.093 | - | 3.098.327.035 | - |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 26.878.370.900 | - | 26.878.370.900 | - |
| Cộng | 280.128.552.188 | (361.408.755) | 343.457.414.707 | (403.466.250) |

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------|-----------------------|------------------------|
| Phải trả người bán | 6.722.385.765 | 5.214.645.351 |
| Vay và nợ | 9.593.203.943 | 9.593.203.943 |
| Các khoản phải trả khác | 16.172.454.070 | 122.631.788.873 |
| Cộng | 32.488.043.778 | 137.439.638.167 |

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.



Nguyễn Thị Nhung
Kế toán trưởng/Người lập



Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 3 năm 2026



Nguyễn Lương Điền
Tổng Giám đốc

